

Số:227 /KH-UBND

Bình Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2026

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Bình Yên năm 2026**

Căn cứ Luật Bình đẳng giới năm 2006; Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới; Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới; Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 3465/KH-SGDĐT ngày 29/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành giáo dục và đào tạo năm 2026. UBND xã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành giáo dục và đào tạo năm 2026 cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục trong thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, trách nhiệm tham mưu và tổ chức thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ trong toàn ngành Giáo dục và Đào tạo.

Tăng cường lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành, phù hợp với thực tiễn của ngành Giáo dục trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, gắn với chuyển đổi số và đổi mới quản trị nhà trường.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức, người lao động và học sinh; tạo chuyển biến rõ nét trong thay đổi nhận thức và hành vi về bình đẳng giới, từng bước thu hẹp khoảng cách giới, nâng cao vị thế của phụ nữ, nhất là trong lĩnh vực chính trị; phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em và các hành vi phân biệt đối xử về giới trong môi trường giáo dục.

### **2. Yêu cầu**

Triển khai các nhiệm vụ bảo đảm đồng bộ, kịp thời, đúng tiến độ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của từng đơn vị.

Các đơn vị phân định rõ trách nhiệm, chủ động phối hợp trong tổ chức thực hiện; xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định rõ đầu mối tham mưu, nội dung công việc, tiến độ, sản phẩm và chế độ báo cáo, lồng ghép trong nhiệm vụ năm học, kế hoạch phát triển giáo dục, công tác xây dựng trường học an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, chuyển đổi số và các phong trào thi đua của ngành.

Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức; chú trọng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, bảo mật thông tin của trẻ em, học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên là nạn nhân hoặc người phản ánh vụ việc liên quan đến bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em.

## **II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **1. Tổ chức triển khai thực hiện công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ, bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới**

Tổ chức triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ, công tác cán bộ nữ; các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND xã về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Chủ động rà soát, tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của ngành Giáo dục bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương.

Tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030; Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các chương trình, đề án, kế hoạch về bình đẳng giới do Trung ương, tỉnh, xã ban hành và các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Theo dõi, thống kê, báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu theo Quyết định số 383/QĐ-BGDĐT ngày 26/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; dự báo khả năng đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu để kịp thời tham mưu giải pháp thực hiện phù hợp; sử dụng thống nhất mẫu biểu, số liệu có tách biệt giới và tổng hợp theo Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này.

Thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng, góp ý văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, đề án phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng đánh giá tác động giới trong quá trình xây dựng, tham mưu, góp ý chính sách.

Tăng cường chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện nghiêm các quy định về xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; phòng, chống bạo lực học đường; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; quán triệt và thực hiện đầy đủ các quy định về hành vi ứng xử của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh có liên quan đến công tác phòng, chống xâm hại, bạo lực học đường theo quy định hiện hành; thiết lập, công khai đầu mối tiếp nhận thông

tin, quy trình phối hợp xử lý vụ việc, tư vấn, hỗ trợ học sinh phù hợp với lứa tuổi, giới tính và điều kiện thực tiễn của nhà trường.

## **2. Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án về bình đẳng giới; công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong ngành Giáo dục**

Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ, trẻ em gái trong các cơ sở giáo dục; tiếp tục thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các chương trình, đề án, kế hoạch về bình đẳng giới do Trung ương, tỉnh và ngành Giáo dục ban hành.

Triển khai các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, hỗ trợ và phối hợp xử lý kịp thời các vụ việc liên quan đến bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em trong các cơ sở giáo dục; quan tâm hỗ trợ, bảo vệ học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới theo quy định; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình, chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; không để xảy ra tình trạng kỳ thị, đổ lỗi cho nạn nhân, che giấu, chậm báo cáo hoặc xử lý không đúng thẩm quyền các vụ việc phát sinh.

Tiếp tục xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình phòng ngừa bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ em phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng đơn vị.

Chú trọng hỗ trợ học sinh nữ, trẻ em gái, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật và các nhóm dễ bị tổn thương được tiếp cận bình đẳng với các hoạt động giáo dục, tư vấn, hỗ trợ tâm lý, kỹ năng tự bảo vệ và dịch vụ trợ giúp phù hợp.

Tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp, đẩy mạnh xã hội hóa trong tổ chức các hoạt động truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

## **3. Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng công tác cán bộ nữ**

Kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành Giáo dục và Đào tạo và Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tại đơn vị đảm bảo tính ổn định, kế thừa, hoạt động hiệu quả; trường hợp có thay đổi, điều chuyển công chức, viên chức, người lao động, phải kịp thời phân công nhân sự thay thế để tránh gián đoạn công việc.

Rà soát, bố trí, phân công công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, tham mưu, theo dõi công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ tại đơn vị bảo đảm tính ổn định, kế thừa và hiệu quả; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và sử dụng cán bộ nữ theo lộ trình phù hợp với điều kiện của cơ quan, đơn vị; triển khai các nội dung của Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê

duyet Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030”.

Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý; cán bộ nữ trong diện quy hoạch chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý; cán bộ, công chức, viên chức được phân công làm công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Nội dung tập huấn, bồi dưỡng tập trung vào kỹ năng lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, pháp luật; theo dõi, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới; thu thập, phân tích số liệu thống kê có tách biệt giới; phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; kiểm tra tình hình thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

#### **4. Tổ chức truyền thông, tập huấn về công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới**

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã và các văn bản liên quan đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh bằng hình thức phù hợp.

Tổ chức các hoạt động tập huấn, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới phù hợp, hiệu quả đối với từng đơn vị; tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động, sản phẩm truyền thông; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ cho thành viên Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ; tổ chức hội thảo chuyên đề, tọa đàm để trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm; lồng ghép các nội dung, hoạt động về bình đẳng giới trong các hoạt động chuyên môn của đơn vị.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, lồng ghép nội dung phòng, chống bạo lực học đường, bình đẳng giới và kỹ năng sống cho học sinh thông qua các buổi sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, tư vấn tâm lý học đường, hoạt động của Đoàn, Đội và các câu lạc bộ trong nhà trường; giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên, kỹ năng nhận diện nguy cơ bạo lực, xâm hại, quấy rối tình dục và kỹ năng tìm kiếm sự trợ giúp an toàn. Tăng cường hướng dẫn, trang bị cho học sinh kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, kỹ năng tham gia môi trường mạng an toàn, lành mạnh tại các cơ sở giáo dục.

Thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông về bình đẳng giới theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới. Yêu cầu, nội dung, hình thức về thông tin, giáo dục, truyền thông về bình đẳng giới thực hiện theo Điều 3, 4, 5 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP.

Nội dung truyền thông tập trung vào những vấn đề còn tồn tại, hạn chế hoặc có nguy cơ phát sinh về bất bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đời sống xã hội như: tỷ lệ phụ nữ tham gia vị trí lãnh đạo, quản lý; định kiến giới trong lựa

chọn nghề nghiệp, phân công lao động, việc làm và vai trò trong gia đình; bạo lực trên cơ sở giới, nhất là bạo lực với phụ nữ và trẻ em trong gia đình, ở nơi công cộng, trong trường học và trên không gian mạng; mất cân bằng giới tính khi sinh; các hủ tục, tập quán gây hại đến việc thực hiện quyền của phụ nữ và nam giới...

Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, thông qua cổng thông tin điện tử của đơn vị, hệ thống truyền thông nội bộ, báo cáo viên, tuyên truyền viên, các cuộc thi, diễn đàn, sân khấu hóa, ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền, sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt tập thể, sinh hoạt cộng đồng; tăng cường thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội trong truyền thông để tiếp cận cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh nhanh hơn, hiệu quả hơn.

Tham mưu, phối hợp triển khai hiệu quả Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình; tổ chức thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2026 thiết thực, hiệu quả, sáng tạo, phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương; lồng ghép tuyên truyền nhân Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 và Ngày quốc tế xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ 25/11.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước cấp theo phân cấp hiện hành; nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Văn hóa - Xã hội.**

Là đơn vị đầu mối tiếp nhận thông tin báo cáo từ Ban VSTBPN các cơ sở giáo dục.

Chủ trì, xây dựng dự toán kinh phí triển khai Kế hoạch, đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

#### **2. Phòng Kinh tế.**

Căn cứ khả năng ngân sách, bố trí nguồn kinh phí triển khai Kế hoạch theo quy định.

#### **3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp.**

Đẩy mạnh tuyên truyền Kế hoạch triển khai thực hiện công tác Bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn xã Bình Yên năm 2026.

#### **4. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã.**

Kiểm toàn tổ chức và hoạt động Ban VSTBPN kịp thời khi có thay đổi về nhân sự;

Thực hiện các nội dung theo Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn xã Bình Yên năm 2026.

Xây dựng phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030;

Bố trí nguồn kinh phí cho hoạt động và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

## V. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Các đơn vị gửi báo cáo kết quả công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2026 (theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo) về UBND xã Bình Yên (qua phòng Văn hóa - Xã hội) **trước ngày 20/11/2026**, đồng thời gửi file mềm để tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo gửi Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành giáo dục và đào tạo năm 2026, UBND xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã triển khai thực hiện./.

### Nơi nhận:

- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXXH *lh*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Ngô Hoàng**

**Phụ lục 1**  
**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hiện công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ năm 2026**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 15/7/2026  
của UBND xã)

## **I. KHÁI QUÁT CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI**

1. Việc ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo
2. Công tác quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

1. Công tác tuyên truyền, tập huấn. Kết quả tổ chức các hoạt động tuyên truyền, truyền thông, tập huấn, tọa đàm, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

2. Kết quả triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới (nếu có).

3. Công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

a) Kết quả triển khai các nhiệm vụ về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tại đơn vị.

b) Kết quả lồng ghép nội dung bình đẳng giới trong các hoạt động giáo dục, quản lý và các hoạt động khác của đơn vị.

c) Kết quả thực hiện công tác cán bộ nữ; đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, sử dụng cán bộ nữ (nếu có).

4. Công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; phòng, chống bạo lực học đường

a) Kết quả triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, tư vấn, hỗ trợ.

b) Kết quả xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học.

c) Tình hình, kết quả xử lý các vụ việc liên quan đến bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, bạo lực trên cơ sở giới (nếu có).

5. Công tác kiểm tra, giám sát

Kết quả tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ tại đơn vị.

### **6. Số liệu (tổng hợp theo Phụ lục 2 - Mẫu phiếu số 1 kèm theo Kế hoạch)**

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.... người, trong đó: Nam: ..... người; Nữ: ..... người.

- Số cán bộ quản lý:..... người, trong đó: Nam: ..... người; Nữ: ..... người.

- Số cán bộ nữ được đào tạo, bồi dưỡng trong năm: ..... người.
- Số hoạt động tuyên truyền, truyền thông, tập huấn đã tổ chức: ..... hoạt động.
- Số lượt cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động:..... lượt người.
- Số vụ việc bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện, xử lý trong năm (nếu có): ..... vụ việc.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Kết quả nổi bật.
2. Tồn tại, hạn chế.
3. Nguyên nhân.

### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**



**Phụ lục 2**

**MẪU PHIẾU SỐ 1**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 22/KH-UBND ngày 15/7/2026 của UBND xã Bình Yên)

| Mục tiêu theo Quyết định 383                                                                                  | Chỉ tiêu   | Nội dung                                                                                                            | Mục tiêu cần đạt theo kế hoạch |          |          | Số liệu tại thời điểm tháng 12/2026 |                   |                   | So sánh với mục tiêu cần đạt của năm 2030 |                        | Giải pháp cụ thể cần thực hiện để đạt các chỉ tiêu, mục tiêu |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------|----------|-------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------|
|                                                                                                               |            |                                                                                                                     | Đơn vị                         | Năm 2025 | Năm 2030 | Tổng số                             | Số lượng đạt được | Tỷ lệ đạt được    | Tỷ lệ cần phấn đấu tăng thêm              | Số lượng cần tăng thêm |                                                              |
|                                                                                                               |            |                                                                                                                     |                                | (1)      | (2)      | (3)                                 | (4)               | (5)=(4)/(3)*100 % | (6)=(1)-(5)                               | (7)=(6)*(3)            |                                                              |
| <b>Mục tiêu 2</b><br><br>Thu hẹp khoảng cách giữa trẻ em trai và gái trong tiếp cận giáo dục ở các vùng, miền | Chỉ tiêu 1 | Tỷ lệ trẻ em trai và gái được tiếp cận với phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non có chất lượng |                                |          |          |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                                                                                               |            | Trẻ nhà trẻ                                                                                                         | %                              | 35       | 40       |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                                                                                               |            | Trẻ mẫu giáo                                                                                                        | %                              | 95       | 97       |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                                                                                               | Chỉ tiêu 2 | Tỷ lệ trẻ em trai và gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học                                              | %                              | 99       | >99      |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                                                                                               | Chỉ tiêu 3 | Tỷ lệ trẻ em trai và gái dân tộc thiểu số hoàn thành chương trình trung học cơ sở                                   | %                              | >83      | >86      |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                                                                                               | Chỉ tiêu 4 | Tỷ lệ nữ biết chữ                                                                                                   | %                              | 98.2     | 99       |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                                                                                               |            | Tỷ lệ nữ người dân tộc thiểu số và miền núi biết chữ                                                                | %                              | 93.5     | 94.5     |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
| <b>Mục tiêu 3</b>                                                                                             | Chỉ tiêu 1 | Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên có nữ quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý           | %                              | 95       | 97       |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
| Tăng tỷ lệ nữ                                                                                                 |            | Tỷ lệ phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở                                                  | %                              | 92       | 95       |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |

| Mục tiêu theo Quyết định 383                                                                                                    | Chỉ tiêu   | Nội dung                                                                                                                                                                 | Mục tiêu cần đạt theo kế hoạch |            |            | Số liệu tại thời điểm tháng 12/2026 |                   |                   | So sánh với mục tiêu cần đạt của năm 2030 |                        | Giải pháp cụ thể cần thực hiện để đạt các chỉ tiêu, mục tiêu |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|------------|-------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                 |            |                                                                                                                                                                          | Đơn vị                         | Năm 2025   | Năm 2030   | Tổng số                             | Số lượng đạt được | Tỷ lệ đạt được    | Tỷ lệ cần phấn đấu tăng thêm              | Số lượng cần tăng thêm |                                                              |
|                                                                                                                                 |            |                                                                                                                                                                          |                                | (1)        | (2)        | (3)                                 | (4)               | (5)=(4)/(3)*100 % | (6)=(1)-(5)                               | (7)=(6)*(3)            |                                                              |
| tham gia các vị trí quản lý, lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục, các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và nghiên cứu khoa học |            | đào tạo có nữ quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý                                                                                                              |                                |            |            |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                                                                                                                 | Chỉ tiêu 2 | Tỷ lệ các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo có nữ giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt                                                                             | %                              | >60        | >75        |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                                                                                                                 | Chỉ tiêu 3 | Tỷ lệ nữ công chức, viên chức trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các đơn vị được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực                                        | %                              | 75         | 90         |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                                                                                                                 | Chỉ tiêu 4 | Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số công chức, viên chức có trình độ thạc sĩ                                                                                                  | %                              | >= 50      | >= 50      |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                                                                                                                 |            | Tỷ lệ nữ tiến sĩ trên tổng số tiến sĩ đang công tác trong các cơ sở giáo dục                                                                                             | %                              | 40         | 45         |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                                                                                                                 | Chỉ tiêu 5 | Tỷ lệ nữ làm chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý                                                                              | %                              | >35        | >45        |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
| <b>Mục tiêu 4</b>                                                                                                               | Chỉ tiêu 1 | Lượt phụ huynh học sinh từ cấp TH đến THPT được tiếp cận các vấn đề giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới thông qua các tài liệu và sự kiện truyền thông | Lượt                           | >=400 0000 | >=500 0000 |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |

| Mục tiêu theo Quyết định 383     | Chỉ tiêu   | Nội dung                                                                                                                                                                            | Mục tiêu cần đạt theo kế hoạch |               |                | Số liệu tại thời điểm tháng 12/2026 |                   |                   | So sánh với mục tiêu cần đạt của năm 2030 |                        | Giải pháp cụ thể cần thực hiện để đạt các chỉ tiêu, mục tiêu |
|----------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------|----------------|-------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------|
|                                  |            |                                                                                                                                                                                     | Đơn vị                         | Năm 2025      | Năm 2030       | Tổng số                             | Số lượng đạt được | Tỷ lệ đạt được    | Tỷ lệ cần phấn đấu tăng thêm              | Số lượng cần tăng thêm |                                                              |
|                                  |            |                                                                                                                                                                                     |                                | (1)           | (2)            | (3)                                 | (4)               | (5)=(4)/(3)*100 % | (6)=(1)-(5)                               | (7)=(6)*(3)            |                                                              |
| Công tác thông tin, truyền thông |            | Lượt học sinh từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông được tiếp cận các vấn đề giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới thông qua các tài liệu và sự kiện truyền thông | Lượt                           | >=800<br>0000 | >=100<br>00000 |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                  |            | Lượt cán bộ các cấp ở địa phương được tiếp cận các vấn đề giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới thông qua các tài liệu và sự kiện truyền thông                      | Lượt                           | >=300<br>0    | >=400<br>0     |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                  | Chỉ tiêu 2 | Lượt cán bộ, giáo viên và học sinh được tập huấn trở thành đội ngũ truyền thông về giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới của ngành Giáo dục                         | Lượt                           | >=100<br>0    | >=100<br>0     |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
|                                  | Chỉ tiêu 3 | Tỷ lệ công thông tin điện tử/website của các cơ sở giáo dục và cơ quan QLGD các cấp có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hàng quý                          | %                              | 100           | 100            |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
| Mục tiêu 5                       | Chỉ tiêu 1 | Tỷ lệ công chức, viên chức làm công tác xây dựng thể chế của các đơn vị được tập huấn kiến thức về đánh giá tác động giới,                                                          | %                              | 80            | 100            |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |

| Mục tiêu theo Quyết định 383                                  | Chỉ tiêu   | Nội dung                                                                                                                                                                  | Mục tiêu cần đạt theo kế hoạch |          |          | Số liệu tại thời điểm tháng 12/2026 |                   |                   | So sánh với mục tiêu cần đạt của năm 2030 |                        | Giải pháp cụ thể cần thực hiện để đạt các chỉ tiêu, mục tiêu |
|---------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------|----------|-------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------|
|                                                               |            |                                                                                                                                                                           | Đơn vị                         | Năm 2025 | Năm 2030 | Tổng số                             | Số lượng đạt được | Tỷ lệ đạt được    | Tỷ lệ cần phấn đấu tăng thêm              | Số lượng cần tăng thêm |                                                              |
|                                                               |            |                                                                                                                                                                           |                                | (1)      | (2)      | (3)                                 | (4)               | (5)=(4)/(3)*100 % | (6)=(1)-(5)                               | (7)=(6)*(3)            |                                                              |
|                                                               |            | lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực, ngành phụ trách                                                                                  |                                |          |          |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |
| Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới | Chỉ tiêu 2 | Tỷ lệ thành viên Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các đơn vị được tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động liên quan tới nâng cao năng lực về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ | %                              | 80       | 100      |                                     |                   |                   |                                           |                        |                                                              |

**\* Ghi chú:**

- (1) Mục tiêu cần đạt theo kế hoạch vào năm 2025.  
 (2) Mục tiêu cần đạt theo kế hoạch vào năm 2030.  
 (3) và (6) Là tổng số người thuộc đối tượng khảo sát. Ví dụ: tại Chỉ tiêu 2 Mục tiêu 2, cột số (3) sẽ điền tổng số trẻ em trai và gái dân tộc thiểu số.  
 (4) và (7) Là tổng số người thuộc đối tượng khảo sát đạt được tiêu chí nêu trong nội dung của Chỉ tiêu. Ví dụ: tại Chỉ tiêu 2 Mục tiêu 2, cột số (4) sẽ điền tổng số trẻ em trai và gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học.  
 (5) và (8) Tỷ lệ đạt được theo số liệu hiện tại.  
 (9) Tỷ lệ cần phấn đấu tiếp tục theo mục tiêu năm 2025.  
 (10) Số lượng cần phấn đấu tiếp tục theo mục tiêu năm 2025.  
 Mục tiêu cần đạt của chỉ tiêu 1 và chỉ tiêu 2 của Mục tiêu 4 là mục tiêu chung của toàn quốc, do đó các đơn vị không cần so sánh với mục tiêu cần đạt của năm 2025.